TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU
Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 02 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tôn Nám.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T , huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông **Dương Minh T (Dương Thanh T)**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Thị D trình bày: Về hôn nhân, vào năm 2008 bà (Phạm Thị D) và ông Dương Minh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng thời gian sau cuộc sống xảy ra mâu thuẫn, sự việc kéo dài. Mâu thuẫn diễn ra ngày càng trầm trọng dẫn đến việc cả hai người không còn chung sống từ ngày 15/8/2017 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Minh T. Về con chung, có 01 người tên là Dương Hoài B (giới tính nam) sinh ngày 11/02/2016 hiện đang do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, tại phiên tòa, bà

thay đổi nội dung yêu cầu là không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Dương Minh T trình bày: Về hôn nhân, ông thống nhất phần trình bày của bà D về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Giữa ông và bà D chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài không thể hòa giải, hàn gắn. Xét thấy cuộc sống chung không hòa hợp, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phạm Thị D. Về con chung có 01 người như bà D trình bày, hiện con chung đang chung sống cùng bà D, ông đồng ý giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Thị D yêu cầu ly hôn với ông Dương Minh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Dương Minh T yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Dương Minh T là có căn cứ.

[3]. Xét về hôn nhân, bà D và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà D và ông T thống nhất xác định quá trình chung sống cả hai thường xuyên mâu thuẫn, sự việc kéo dài không thể hòa hợp. Vì vậy, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D khẳng định giữa bà và ông T không còn chung sống với nhau từ ngày 15/8/2017 cho đến nay mà không thể hòa giải, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà D yêu cầu được ly hôn, ông T thống nhất ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà D, ông T không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà D và ông T đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Do hôn nhân đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cả hai không được công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung, cả hai người thống nhất xác định có 01 người con chung là Dương Hoài B (giới tính nam) sinh ngày 11/02/2016 hiện đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Giữa bà D và ông T thống nhất thỏa thuận là giao con chung cho bà D tiếp tục trực tiếp nuôi, bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại thời điểm Tòa án giải quyết, con chung của bà D và ông T chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, điều này phù hợp với sự thỏa thuận giữa các bên nên có căn cứ để công nhận. Tại phiên tòa, bà D thay đổi yêu cầu là không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, sự thay đổi này hoàn T tự nguyện nên có căn cứ chấp nhận. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung cả hai thống nhất xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, bà D phải nộp theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị D và ông Dương Minh T (Dương Thanh T) là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị D và ông Dương Minh T (Dương Thanh T), cụ thể như sau:

Giao Dương Hoài B (giới tính nam), sinh ngày 11/02/2016 cho bà Phạm Thị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Dương Minh T (Dương Thanh T) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Dương Minh T (Dương Thanh T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Phạm Thị D đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006838, ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Minh T (Dương Thanh T) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H.Phú Tân;*
- *Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);*
- *Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước